

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HÓA THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG,
UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH BÌNH
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / 8 /2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HÓA THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Thực hiện BCCI	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		DV CC TT trực tuyến
							Toàn trình	Một phần	
I	Lĩnh vực thương mại quốc tế								
1	Cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam 2.000063.H42	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công	3.000.000	X	- Nghị định số 07/2016/NĐ - CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 11/2016/TT - BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 03/2024/TT-BCT ngày 30/01/2024 của Bộ Công Thương;	X		
2	Cấp lại Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam 2.000450.H42	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công	1.500.000	X	- Thông tư số 03/2024/TT-BCT ngày 30/01/2024 của Bộ Công Thương; - Thông tư 143/2016/TT -BTC ngày 29/6/2016 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 74/2022/TT-BTC ngày 22/12/2022 của Bộ Tài chính.	X		

3	Điều chỉnh Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam 2.000347.H42	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công	1.500.000	X	- Nghị định số 07/2016/NĐ - CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 11/2016/TT - BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công Thương;	X		
4	Gia hạn Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam 2.000327.H42	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công	1.500.000	X	- Thông tư số 03/2024/TT-BCT ngày 30/01/2024 của Bộ Công Thương; - Thông tư 143/2016/TT -BTC ngày 29/6/2016 của Bộ Công Thương;	X		
5	Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam thuộc thẩm quyền cấp của Cơ quan cấp Giấy phép 2.000314.H42	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không	X	- Thông tư số 74/2022/TT-BTC ngày 22/12/2022 của Bộ Tài chính.	X		
6	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa 2.000255.H42	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không	X	- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ	X		
7	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn 2.000370.H42	28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không	X		X		
8	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư	28 ngày làm việc kể từ ngày	Trung tâm phục	Không	X		X		

	nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí 2.000362.H42	nhận đủ hồ sơ hợp lệ	vụ hành chính công			- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ;			
9	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP 2.000351.H42	28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không	X	- Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ	X		
10	Cấp lại Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài 2.000340.H42	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không	X		X		
11	Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. 2.000330.H42	28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không	X	- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ;	X		
12	Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ” được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP 2.000272.H42	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không	X	- Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ	X		
13	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm phục vụ hành	Không	X	- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ;	X		

	hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT) 2.000361.H42	hợp lệ	chính công			- Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ			
14	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT) 1.000774.H42	55 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không	X	- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ	X		
15	Điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên, địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại hình của cơ sở bán lẻ, điều chỉnh giảm diện tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ 2.000339.H42	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không	X	- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ	X		
16	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện tích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500m2 2.000334.H42	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không	X	- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ	X		
17	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm phục vụ hành	Không	X	- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ;	X		

	2.000322.H42	hợp lệ	chính công			- Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ			
18	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini 2.002166.H42	55 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không	X	- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ	X		
19	Cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ 2.000665.H42	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không	X	- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ	X		
20	Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ 1.001441.H42	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không	X	- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ	X		
21	Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động 2.000662.H42	55 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không	X	- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ	X		
22	Cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm phục vụ hành	Chưa có	X	- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ;	X		

	1.000376.H42	hợp lệ	chính công			- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ			
23	Cấp lại Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam 1.000361.H42	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công	Chưa có	X	- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ	X		
24	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam 2.000129.H42	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công	Chưa có	X	- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ	X		
25	Gia hạn Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam 1.000358.H42	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công	Chưa có	X	- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ	X		
26	Chấm dứt hoạt động Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam 1.000168.H42	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công	Chưa có	X	- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ	X		
II	Lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước								
1	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3	15 ngày làm việc kể từ ngày	Trung tâm phục	2.200.000 đồng/lần	X	- Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia ngày 14/6/2019;	X		

	triệu lít/năm) 2.001646.H42	nhận đủ hồ sơ hợp lệ	vụ hành chính công	thẩm định/hồ sơ		- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính.			
2	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm) 2.001636.H42	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công	2.200.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ	X	- Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia ngày 14/6/2019; - Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính.	X		
3	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm) 2.001630.H42	- Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực: 15 ngày	Trung tâm phục vụ hành	2.200.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ	X	- Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia ngày 14/6/2019; - Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính	X		

		làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp cấp lại giấy phép do bị mất hoặc bị hỏng: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	chính công			phủ; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính.			
4	Cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương 2.001624.H42	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công	Theo quy định của Bộ Tài chính	X	- Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia ngày 14/6/2019; - Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính	X		
5	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương 2.001619.H42	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công	Theo quy định của Bộ Tài chính	X	- Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia ngày 14/6/2019; - Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ;	X		

						- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính			
6	Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương 2.000636.H42	- Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp cấp lại giấy phép do bị mất hoặc bị hỏng: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công	Theo quy định của Bộ Tài chính	X	- Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia ngày 14/6/2019; - Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính	X		
7	Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá 2.000626.H42	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công	Theo quy định của Bộ Tài chính	X	- Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá ngày 18/6/2012; - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ;	X		
8	Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá 2.000622.H42	- Trường hợp cấp lại do Giấy phép hết thời hạn hiệu lực: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công	Theo quy định của Bộ Tài chính	X	- Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 17/2020/NĐ-	X		

		- Trường hợp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ				CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.			
9	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá 2.000204.H42	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công	Theo quy định của Bộ Tài chính	X	- Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá ngày 18/6/2012; - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ;	X		
10	Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá 2.000190.H42	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công	Theo quy định của Bộ Tài chính	X	- Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ;	X		
11	Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá 2.000167.H42	- Trường hợp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá đã được cấp hết thời hạn hiệu lực: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp Giấy phép bán	Trung tâm phục vụ hành chính công	Theo quy định của Bộ Tài chính	X	- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019 của Bộ	X		

		buôn sản phẩm thuốc lá bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ				Công Thương. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.			
12	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá 2.000176.H42	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công	Theo quy định của Bộ Tài chính	X	- Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá ngày 18/6/2012; - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019 của Bộ Công Thương. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.	X		

13	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá 2.000637.H42	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công	Theo quy định của Bộ Tài chính	X	- Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá ngày 18/6/2012; - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019 của Bộ Công Thương. - Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính.	X		
14	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá 2.000640.H42	15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công	Theo quy định của Bộ Tài chính	X	- Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá ngày 18/6/2012; - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ;	X		
15	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu	15 ngày làm việc kể từ khi	Trung tâm phục vụ hành	Theo quy định của	X	- Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính	X		

	tư trồng cây thuốc lá 2.000197.H42	nhận đủ hồ sơ hợp lệ	chính công	Bộ Tài chính		phủ; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019 của Bộ Công Thương. - Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính.			
16	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương 2.000666.H42	Ba mươi (30) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công	Theo quy định của Bộ Tài chính	X	- Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ; - Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ;	X		
17	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương 2.000664.H42	Ba mươi (30) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công	Theo quy định của Bộ Tài chính	X	- Nghị định số 80/2023/NĐ-CP ngày 17/11/2023 của Chính phủ; - Thông tư số 18/2025/TT-BCT ngày 13/3/2025 của Bộ Công Thương.	X		
18	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	Ba mươi (30) ngày làm việc	Trung tâm phục	Theo quy định của	X	- Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính	X		

	2.000673.H42	kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	vụ hành chính công	Bộ Tài chính		phủ; - Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ; - Nghị định số 80/2023/NĐ-CP ngày 17/11/2023 của Chính phủ; - Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 18/2025/TT-BCT ngày 13/3/2025 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 71/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ Tài chính.			
19	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu 2.000669.H42	Ba mươi (30) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công	Theo quy định của Bộ Tài chính	X		X		
20	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu 2.000672.H42	Ba mươi (30) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công	Theo quy định của Bộ Tài chính	X	- Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ; - Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ; - Nghị định số 80/2023/NĐ-CP ngày 17/11/2023 của Chính phủ; - Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ Công Thương	X		
21	Cấp Giấy chứng nhận của hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu 2.000648.H42	Hai mươi (20) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công	Theo quy định của Bộ Tài chính	X	- Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ; - Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ; - Nghị định số 80/2023/NĐ-CP ngày 17/11/2023 của Chính phủ; - Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ Công Thương	X		

						Công Thương; - Thông tư số 18/2025/TT-BCT ngày 13/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 71/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ Tài chính.			
22	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu 2.000645.H42	Hai mươi (20) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công	Theo quy định của Bộ Tài chính	X	- Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ; - Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ;	X		
23	Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu 2.000647.H42	Hai mươi (20) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công	Theo quy định của Bộ Tài chính	X	- Nghị định số 80/2023/NĐ-CP ngày 17/11/2023 của Chính phủ; - Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 18/2025/TT-BCT ngày 13/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 71/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ Tài chính.	X		

24	Cấp Giấy tiếp nhận thông báo kinh doanh xăng dầu bằng thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ. 1.010696.H42	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không	X	- Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa. - Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. - Thông tư số 28/2017/TT-BCT ngày 08/12/2017 của Bộ Công Thương.	X		
25	Cấp Giấy phép phân phối rượu. 1.003977.H42	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Theo quy định về phí, lệ phí hiện hành	X	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ;	X		
26	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối rượu. 1.005376.H42	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Theo quy định về phí, lệ phí hiện hành	X	- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.	X		
27	Cấp lại Giấy phép phân phối rượu. 1.003101.H42	- Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ - Trường hợp cấp lại do bị mất, bị hỏng: 07 ngày	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Theo quy định về phí, lệ phí hiện hành	X	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.	X		

		làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ							
28	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên) 1.004021.H42	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	X	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.		X	
29	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên) 1.003992.H42	- Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ - Trường hợp cấp lại do bị mất, bị hỏng: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	X	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.		X	
30	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên) 1.004007.H42	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	X	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của		X	

						Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.			
31	Cấp Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá 1.001338.H42	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	X	- Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá ngày 18/6/2012; - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ;	X		
32	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá 1.001323.H42	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	X	- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ;	X		
33	Cấp lại Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá 2.000598.H42	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	X	- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công thương.	X		

III	Lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp tiền chất thuốc nổ								
1	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương 2.000229.H42	20 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	- Nghị định số 181/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ;		X	
2	Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương 2.000210.H42	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	- Nghị định số 181/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ;		X	
3	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương 2.000221.H42	Trong thời hạn 18 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 26/6/2024; - Nghị định số 181/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ.		X	
4	Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương 2.000172.H42	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X			X	
5	Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh 2.001434.H42	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Thông tư số 148/2016/T T-BTC được sửa đổi, bổ sung	X	Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công thương.		X	

				bởi Thông tư số 53/2019/TT-BTC					
6	Cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh 2.001433.H42	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Thông tư số 148/2016/T T-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 53/2019/TT-BTC	X	Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công thương.		X	
7	Thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương 1.003401.H42	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 26/6/2024; - Nghị định số 181/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ.	X		
8	Cấp điều chỉnh giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương 1.013058.H42	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Thông tư số 148/2016/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 53/2019/TT-BTC	X	Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công thương.		X	
9	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ 1.000998.H42	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành	Không	X	Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công thương.		X	

			chính công tỉnh						
10	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ 1.000965.H42	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công thương.		X	
IV	Lĩnh vực Điện								
1	Cấp giấy phép hoạt động phát điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. 1.013401.H42	Trong thời hạn 14 ngày từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định tại Thông tư của Bộ Tài chính	X	- Luật Điện lực ngày 30/11/2024; - Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ.		X	
2	Cấp giấy phép hoạt động phân phối điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. 1.013411.H42	Trong thời hạn 14 ngày từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định tại Thông tư của Bộ Tài chính	X	- Luật Điện lực ngày 30/11/2024; - Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ.		X	
3	Cấp giấy phép hoạt động bán buôn điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. 1.013412.H42	Trong thời hạn 14 ngày từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định tại Thông tư của Bộ Tài chính	X	- Luật Điện lực ngày 30/11/2024; - Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ.		X	
4	Cấp giấy phép hoạt động bán lẻ điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh 1.013416.H42	14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công	700.000 đồng (Theo quy định tại Thông tư số 106/2020/TT-BCT)	X	- Luật Điện lực ngày 30/11/2024; - Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 106/2020/TT-BCT ngày 08/12/2020 của Bộ Tài chính		X	

5	Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng) 1.013417.H42	10 ngày từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định tại Thông tư của Bộ Tài chính	X	- Luật Điện lực ngày 30/11/2024; - Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ.	X		
6	Cấp gia hạn giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh 1.013418.H42	10 ngày từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định tại Thông tư của Bộ Tài chính	X	- Luật Điện lực ngày 30/11/2024; - Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ.	X		
7	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh 1.013419.H42	10 ngày từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định tại Thông tư của Bộ Tài chính	X	- Luật Điện lực ngày 30/11/2024; - Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ.	X		
8	Thu hồi giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh 1.013421.H42	10 ngày kể từ thời điểm có cơ sở xác định giấy phép hoạt động điện lực thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định số 61/2025/NĐ-CP	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không quy định	X	- Luật Điện lực ngày 30/11/2024; - Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ.		X	
9	Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	10 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành	Theo quy định tại Thông tư	X	- Luật Điện lực ngày 30/11/2024; - Nghị định số 61/2025/NĐ-	X		

	trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng. 1.013420.H42	theo quy định	chính công	số 106/2020/ TT-BCT		CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 106/2020/TT-BCT ngày 08/12/2020 của Bộ Tài chính			
10	Phê duyệt danh mục đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp 1.013394.H42	Trong thời hạn 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không quy định	X	- Nghị định số 56/2025/NĐ-CP ngày 03/3/2025 của Chính phủ		X	
11	Điều chỉnh danh mục đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp 1.013395.H42	Trong thời hạn 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không quy định	X	- Nghị định số 56/2025/NĐ-CP ngày 03/3/2025 của Chính phủ;		X	
12	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký phát triển nguồn điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đấu nối với hệ thống điện quốc gia. 1.013004.H42	10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không quy định	X	- Nghị định số 58/2025/NĐ-CP ngày 03/3/2025 của Chính phủ.		X	
13	Điều chỉnh, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký phát triển nguồn điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đấu nối với hệ thống điện quốc gia. 1.013005.H42	10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không quy định	X	- Nghị định số 58/2025/NĐ-CP ngày 03/3/2025 của Chính phủ.		X	

14	Thông báo phát triển nguồn điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đấu nối với hệ thống điện quốc gia. 2.002676.H42	Không quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không quy định	X	- Nghị định số 58/2025/NĐ-CP ngày 03/3/2025 của Chính phủ.	X		
V	Lĩnh vực hóa chất								
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp 2.001547.H42	- 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính. - 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	1.200.000 đồng/Giấy chứng nhận	X	- Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 của Chính phủ; - Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ Tài chính.		X	

2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp 2.001175.H42	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	600.000 đồng/ Giấy chứng nhận	X		X		
3	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp 2.001172.H42	- 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính. - 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	600.000 đồng/ Giấy chứng nhận	X	- Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 của Chính phủ; - Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ Tài chính.		X	
4	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	- 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với	Trung tâm Phục vụ hành	1.200.000 đồng/Giấy chứng nhận	X	- Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 của Chính phủ;		X	

	1.002758.H42	trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính. - 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính.	chính công			- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ Tài chính.			
5	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp 2.001161.H42	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	600.000 đồng/ Giấy chứng nhận	X	- Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 của Chính phủ; - Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ Tài chính.	X		
6	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh	- 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành	600.000 đồng/ Giấy chứng nhận	X	- Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 của Chính phủ;		X	

	có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp 2.000652.H42	hợp lệ đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính. - 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính.	chính công			- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ Tài chính.			
7	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp 1.011506. H42	- 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt	Trung tâm Phục vụ hành chính công	1.200.000 đồng/giấy chứng nhận	X	- Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 của Chính phủ; - Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ Tài chính.		X	

		trụ sở chính. - 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính.							
8	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp 1.011507.H42	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	600.000 đồng/ Giấy chứng nhận	X	- Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 của Chính phủ; - Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ Tài chính.	X		
9	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp 1.011508.H42	- 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá	Trung tâm Phục vụ hành chính công	600.000 đồng/ Giấy chứng nhận	X	- Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 của Chính phủ; - Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ		X	

		nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính. - 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính.				Tài chính.			
10	Cấp Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1 1.003820.H42	16 (mười sáu) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và 5 ngày xin ý kiến (nếu cần)	Trung tâm Phục vụ hành chính công	1.200.000	X	- Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27/3/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ Tài chính.	X		
11	Cấp lại Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1 1.003775.H42	05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	600.000	X		X		
12	Cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1 2.001585.H42	16 (mười sáu) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	600.000	X		X		

		và 5 ngày xin ý kiến (nếu cần)							
13	Cấp Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 2 và hóa chất Bảng 3 1.003724.H42	16 (mười sáu) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và 5 ngày xin ý kiến (nếu cần)	Trung tâm Phục vụ hành chính công	1.200.000	X	- Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27/3/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ Tài chính.	X		
14	Cấp lại Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 2 và hóa chất Bảng 3 2.001722.H42	05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	600.000	X		X		
15	Cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 1.004031.H42	16 (mười sáu) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và 5 ngày xin ý kiến (nếu cần)	Trung tâm Phục vụ hành chính công	600.000	X		X		
16	Cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1 2.000431.H42	07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định về phí, lệ phí hiện hành	X		X		
17	Cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hoá chất Bảng 3 2.000257.H42	07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định về phí, lệ phí hiện hành	X	- Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27/3/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.	X		

18	Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1 1.012429.H42	05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định về phí, lệ phí hiện hành	X	- Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27/3/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.	X		
19	Cấp điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1 1.012430.H42	07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định về phí, lệ phí hiện hành	X	- Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27/3/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.		X	
20	Cấp gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1 1.012431.H42	05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định về phí, lệ phí hiện hành	X	- Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27/3/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.	X		
21	Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hoá chất Bảng 3 1.012432.H42	05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định về phí, lệ phí hiện hành	X	- Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27/3/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.	X		
22	Cấp điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hoá chất Bảng 3 1.012433.H42	07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định về phí, lệ phí hiện hành	X	- Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27/3/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.		X	

23	Cấp Gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hoá chất Bảng 3 1.012434.H42	05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định về phí, lệ phí hiện hành	X	- Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27/3/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.	X		
24	Cấp Giấy phép kinh doanh hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 1.012438.H42	16 (mười sáu) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và 5 ngày xin ý kiến (nếu cần)	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định về phí, lệ phí hiện hành	X	- Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27/3/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.		X	
25	Cấp lại Giấy phép kinh doanh hoá chất Bảng 2, hoá chất Bảng 3 1.012439.H42	05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định về phí, lệ phí hiện hành	X	- Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27/3/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.	X		
26	Cấp điều chỉnh Giấy phép kinh doanh hoá chất Bảng 2, hoá chất Bảng 3 1.012440.H42	16 (mười sáu) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và 5 ngày xin ý kiến (nếu cần)	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định về phí, lệ phí hiện hành	X	- Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27/3/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.		X	
27	Cấp Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3 1.012441.H42	16 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và 5 ngày xin ý kiến (nếu cần)	Trung tâm Phục vụ hành chính công	1.200.000	X	- Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27/3/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ;		X	

						- Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ Tài chính.			
28	Cấp lại Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3 1.012442.H42	05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	600.000	X	- Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27/3/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ Tài chính.	X		
29	Cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3 1.012443.H42	16 (mười sáu) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và 5 ngày xin ý kiến (nếu cần)	Trung tâm Phục vụ hành chính công	600.000	X	- Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27/3/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ Tài chính.		X	
VI	Quản lý bán hàng đa cấp								
1	Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương 2.000309. H42	10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	X	- Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12/03/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 03/2023/NĐ-CP ngày 10/02/2023 của Chính phủ;	X		
2	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương 2.000631. H42	07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	X	- Nghị định số 18/2023/NĐ-CP ngày 28/4/2023 của Chính phủ.	X		

3	Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương 2.000619.H42	10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	X	- Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12/03/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 03/2023/NĐ-CP ngày 10/02/2023 của Chính phủ;	X		
4	Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp 2.000609.H42	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo	Trung tâm Phục vụ Hành chính công	Không	X	- Nghị định số 18/2023/NĐ-CP ngày 28/4/2023 của Chính phủ.	X		
5	Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp 2.001573.H42	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	- Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12/03/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 03/2023/NĐ-CP ngày 10/02/2023 của Chính phủ;	X		
6	Công nhận chương trình đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp 1.003705.H42	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	- Nghị định số 18/2023/NĐ-CP ngày 28/4/2023 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ;	X		
7	Xác nhận kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp, kiến thức cho đầu mối tại địa phương 2.000324.H42	15 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm tra kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	- Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12/03/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 18/2023/NĐ-CP ngày 28/4/2023 của Chính phủ; - Nghị định số 03/2023/NĐ-CP ngày 10/02/2023 của Chính phủ;	X		

						- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.			
VII	Lĩnh vực bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng								
1	Đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương 2.000191.H42	30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và có thể được gia hạn thêm tối đa không quá 30 ngày trong trường hợp phức tạp	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	- Nghị định số 55/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ; - Thông tư số 42/2025/TT-BCT ngày 22/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.	X		
VIII	Lĩnh vực xúc tiến thương mại								
1	Đăng ký hoạt động khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương 2.000004.H42	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	- Nghị định 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 128/2024/NĐ-CP ngày 10/10/2024 của Chính phủ	X		
2	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương 2.000002.H42	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	- Nghị định 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 128/2024/NĐ-CP ngày 10/10/2024 của Chính phủ	X		

3	Thông báo hoạt động khuyến mại 2.000033.H42	Không	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	- Nghị định 81/2018/NĐ- CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 128/2024/NĐ-CP ngày 10/10/2024 của Chính phủ	X		
4	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại 2.001474.H42	Không	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	- Nghị định 81/2018/NĐ- CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 128/2024/NĐ-CP ngày 10/10/2024 của Chính phủ	X		
5	Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam 2.000131.H42	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	- Nghị định 81/2018/NĐ- CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 128/2024/NĐ-CP ngày 10/10/2024 của Chính phủ	X		
6	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam 2.000001.H42	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	- Nghị định 81/2018/NĐ- CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 128/2024/NĐ-CP ngày 10/10/2024 của Chính phủ	X		
7	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam 2.002604 .H42	- 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, - 40 ngày kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	- Nghị định số 28/2018/NĐ-CP ngày 01/3/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 14/2024/NĐ-CP ngày 07/02/2024 của Chính phủ.	X		

		trong trường hợp phải xin ý kiến Bộ Công an, Bộ Quốc phòng.							
8	Sửa đổi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam 2.002605.H42	14 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	- Nghị định số 28/2018/NĐ-CP ngày 01/3/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 14/2024/NĐ-CP ngày 07/02/2024 của Chính phủ.	X		
9	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam 2.002606.H42	- 14 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 1a Điều 28 Nghị định số 28/2018/NĐ-CP, được bổ sung tại điểm a khoản 3 của Điều 1 Nghị định số 14/2024/NĐ-CP. - 26 ngày kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản 1a Điều 28 Nghị định số 28/2018	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	- Nghị định số 28/2018/NĐ-CP ngày 01/3/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 14/2024/NĐ-CP ngày 07/02/2024 của Chính phủ.	X		

		/NĐ-CP, được bổ sung tại điểm a khoản 3 của Điều 1 Nghị định số 14/2024 /NĐ-CP.							
10	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam 2.002607.H42	14 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	- Nghị định số 28/2018/NĐ-CP ngày 01/3/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 14/2024/NĐ-CP ngày 07/02/2024 của Chính phủ.	X		
11	Chấm dứt hoạt động và thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam 2.002608.H42	- 30 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đề nghị chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện mà không nhận được bất kỳ thông báo, khiếu nại, khiếu kiện của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, Sở Công Thương xem xét, chấp thuận việc chấm dứt	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	- Nghị định số 28/2018/NĐ-CP ngày 01/3/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 14/2024/NĐ-CP ngày 07/02/2024 của Chính phủ.	X		

		hoạt động của Văn phòng đại diện và rút Giấy phép trong vòng 07 ngày làm việc.							
12	Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại nước ngoài	05 ngày làm việc từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không quy định	X	- Luật thương mại ngày 27/6/2005 - Nghị định 81/2018/NĐ- CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ;	X		
13	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại nước ngoài	05 ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không quy định	X	- Nghị định số 128/2024/NĐ- CP ngày 10/10/2024 của Chính phủ.	X		
IX Kinh doanh khí									
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG 2.000142.H42	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định của Bộ Tài chính	X	- Nghị định số 87/2018/NĐ- CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 17/2020/NĐ- CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ;	X		
2	Cấp lại Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG 2.000136.H42	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định của Bộ Tài chính	X	- Thông tư số 168/2016/TT- BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.	X		
3	Cấp điều chỉnh Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định của Bộ Tài chính	X	- Nghị định số 87/2018/NĐ- CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 17/2020/NĐ-	X		

	2.000078.H42					CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ;			
4	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai 2.000073.H42	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định của Bộ Tài chính	X	- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.	X		
5	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai 2.000207.H42	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định của Bộ Tài chính	X	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ;	X		
6	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai 2.000201.H42	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định của Bộ Tài chính	X	- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ;	X		
7	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn 2.000194.H42	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định của Bộ Tài chính	X	- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.	X		
8	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn 2.000187.H42	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định của Bộ Tài chính	X	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ;	X		
9	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn 2.000175.H42	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định của Bộ Tài chính	X	- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ;	X		
						- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.			
						- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ;			
						- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ;			

10	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải 2.000196.H42	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định của Bộ Tài chính	X	CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.	X		
11	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải 1.000425.H42	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định của Bộ Tài chính	X	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.	X		
12	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải 2.000180.H42	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định của Bộ Tài chính	X	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ;	X		
13	Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG 2.000166.H42	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định của Bộ Tài chính	X	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.	X		
14	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG 2.000156.H42	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định của Bộ Tài chính	X	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ;	X		
15	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân	07 ngày làm việc kể từ ngày	Trung tâm Phục	Theo quy định của	X	- Thông tư số 168/2016/TT-	X		

	kinh doanh mua bán LNG 2.000390.H42	nhận đủ hồ sơ hợp lệ	vụ hành chính công	Bộ Tài chính		BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.			
16	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải 2.000387.H42	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ Hành chính công	Theo quy định của Bộ Tài chính	X	- Nghị định số 87/2018/NĐ- CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 17/2020/NĐ- CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 168/2016/TT- BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.	X		
17	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải 2.000376.H42	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định của Bộ Tài chính	X	- Nghị định số 87/2018/NĐ- CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 17/2020/NĐ- CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 168/2016/TT- BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.	X		
18	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải 2.000371.H42	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định của Bộ Tài chính	X	- Nghị định số 87/2018/NĐ- CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 17/2020/NĐ- CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 168/2016/TT- BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.	X		

19	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG 2.000354.H42	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định của Bộ Tài chính	X	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.	X		
20	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG 2.000279.H42	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định của Bộ Tài chính	X	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.	X		
21	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG 1.000481.H42	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định của Bộ Tài chính	X	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ;	X		
22	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải 2.000163.H42	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định của Bộ Tài chính	X	- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.	X		
23	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ Hành	Theo quy định của	X	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ;	X		

	1.000444.H42	hợp lệ	chính công	Bộ Tài chính		- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.			
24	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải 2.000211.H42	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định của Bộ Tài chính	X		X		
25	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG. 2.001424.H42	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Theo quy định về phí, lệ phí hiện hành	X	Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.		X	
26	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG. 1.000491.H42	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Theo quy định về phí, lệ phí hiện hành	X	Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.	X		
27	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG. 1.000510.H42	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Theo quy định về phí, lệ phí hiện hành	X	Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.	X		
28	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG. 1.005184.H42	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Theo quy định về phí, lệ phí hiện hành	X	Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.		X	
29	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG. 1.000649.H42	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Theo quy định về phí, lệ phí hiện hành	X	Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.	X		

30	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG. 1.005372.H42	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Theo quy định về phí, lệ phí hiện hành	X	Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.	X		
31	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG. 1.000706.H42	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Theo quy định về phí, lệ phí hiện hành	X	Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.		X	
32	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG. 2.000146.H42	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Theo quy định về phí, lệ phí hiện hành	X	Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.	X		
33	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG. 1.000387.H42	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Theo quy định về phí, lệ phí hiện hành	X	Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.	X		
34	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai LPG. 1.000475.H42	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không quy định	X	Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương		X	
35	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai LPG. 1.000455.H42	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không quy định	X	Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương	X		

36	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai LPG. 1.000742.H42	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không quy định	X	Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương		X	
37	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini. 2.000304.H42	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không quy định	X	Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương		X	
38	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini. 1.000709.H42	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không quy định	X	Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương	X		
39	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini. 1.000704.H42	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không quy định	X	Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương		X	
X	Lĩnh vực giám định thương mại								
1	Đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại 1.005190.H42	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận bộ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	20.000 đ/hồ sơ	X	Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương	X		
2	Đăng ký thay đổi dấu nghiệp vụ giám định thương mại 2.000110.H42	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận bộ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương	X		

XI Lĩnh vực công nghiệp nặng									
1	Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa 1.001158.H42	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	- Nghị định số 111/2015/NĐ-CP 03/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 55/2015/TT-BCT 30/12/2015 của Bộ Công Thương; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.	X		
2	Cấp Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển của các doanh nghiệp nhỏ và vừa 1.001304.H42	55 ngày	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 111/2015/NĐ-CP 03/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 55/2015/TT-BCT 30/12/2015 của Bộ Công Thương - Nghị định số 205/2025/NĐ-CP ngày 14/7/2025.		X	
XII Lĩnh vực công nghiệp địa phương									
1	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh 2.000331.H42	Theo Kế hoạch tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu của UBND tỉnh tại mỗi kỳ bình chọn	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	- Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ; - Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28/10/2012 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 26/2014/TTLT-BTC-BCT ngày 18/2/2014 của Bộ Công Thương - Bộ Tài chính;		X	

						- Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28/8/2014 của Bộ Công Thương.			
XIII	Lĩnh vực khoa học công nghệ								
1	Cấp Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp 2.000147.H42	Trong thời hạn 25 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương		X	
XIV	Lĩnh vực Nghề thủ công mỹ nghệ								
1	Xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ tại Hội đồng cấp tỉnh 1.012471.H42	Thời gian tổ chức hoạt động xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ tại Hội đồng cấp tỉnh không quá 90 ngày.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	- Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15/6/2022; - Luật Di sản văn hóa ngày 29/6/2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa ngày 18/6/2009; - Nghị định số 43/2024/NĐ-CP ngày 19/4/2024 của Chính phủ.		X	
XV	Lĩnh vực tài sản kết cấu hạ tầng chợ do nhà nước đầu tư quản lý								
1	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp tỉnh quản lý 1.012567.H42	- Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	- Nghị định số 60/2024/NĐ-CP ngày 05/6/2024 của Chính phủ.		X	

		tầng chợ cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan của địa phương trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định giao tài sản. - Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ của Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có liên quan thực hiện việc bàn giao, tiếp nhận tài sản.							
2	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ 1.012569.H42	- Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định, cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ chủ trì, phối	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; cấp xã	Không	X	- Nghị định số 60/2024/NĐ-CP ngày 05/6/2024 của Chính phủ.		X	

		hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định thu hồi. - Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định, Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xem xét, ban hành Quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thu hồi tài sản không phù hợp.							
XVI	Lĩnh vực Khoáng sản								
1	Phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản bằng phương pháp hầm lò thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. 1.013652.H42	Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được bộ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không quy định	X	- Thông tư số 24/2025/TT-BCT ngày 13/5/2025 của Bộ Công Thương.	X		

2	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản 1.014125.H42	Trong thời hạn 17 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Không quy định	X	- Thông tư số 43/2025/TT-BCT ngày 04/7/2025 của Bộ Công Thương.	X		
3	Cấp lại giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản 1.014126.H42	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Không quy định	X	- Thông tư số 43/2025/TT-BCT ngày 04/7/2025 của Bộ Công Thương.	X		
4	Thu hồi giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản 1.014127.H42	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị thu hồi	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Không quy định	X	- Thông tư số 43/2025/TT-BCT ngày 04/7/2025 của Bộ Công Thương.	X		
XVII Lĩnh vực Xuất nhập khẩu									
1	Gia hạn thời gian quá cảnh đối với hàng hóa quá cảnh 1.013778.H42	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Theo quy định của Bộ Tài chính	X	- Luật Quản lý ngoại thương ngày 12/6/2017; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.	X		
2	Cấp Giấy phép cho thương nhân được ký hợp đồng đại lý mua, bán hàng hóa xuất khẩu theo giấy phép 1.013779.H42	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Theo quy định của Bộ Tài chính	X	- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.	X		

3	Cấp phép nhập khẩu sản phẩm thuốc lá để kinh doanh hàng miễn thuế 1.001419.H42	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Theo quy định của Bộ Tài chính	X	- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 100/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 của Chính phủ.	X		
4	Cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam 1.000350.H42	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 90/2007/NĐ-CP ngày 31/5/2007 của Chính phủ.	X		
5	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam 1.005405.H42	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 90/2007/NĐ-CP ngày 31/5/2007 của Chính phủ.	X		
6	Gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam 1.005406.H42	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 90/2007/NĐ-CP ngày 31/5/2007 của Chính phủ.	X		
7	Cấp giấy phép nhập khẩu các mặt hàng có ảnh hưởng trực tiếp đến quốc phòng, an ninh (nhưng không phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh) 1.003438.H42	17 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Theo quy định của Bộ Tài chính	X	- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.	X		

8	Cấp Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất 1.001062.H42	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.	X		
9	Cấp Giấy phép tạm nhập, tái xuất theo hình thức khác 1.000957.H42	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ	X		
10	Cấp Giấy phép tạm xuất, tái nhập 1.000905.H42	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ	X		
11	Giấy phép kinh doanh chuyển khẩu 1.000890.H42	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ	X		
12	Cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh 1.004155.H42	Tối thiểu 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ	X		

13	Cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa có thuế tiêu thụ đặc biệt 1.004181.H42	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ	X		
14	Cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa đã qua sử dụng 2.001758.H42	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ	X		
15	Sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất 1.000551.H42	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ	X		
16	Cấp Giấy phép quá cảnh hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu; hàng hóa cấm kinh doanh theo quy định pháp luật 1.000477.H42	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ	X		
17	Cấp phép nhập khẩu mặt hàng có ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh nhưng không phục vụ quốc phòng, an ninh 1.013991.H42	17 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ		X	

18	Cấp phép nhập khẩu tự động thuốc lá điếu, xì gà 1.000363.H42	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	- Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công thương; - Thông tư 37/2013/TT-BCT ngày 30/12/2013 của Bộ Công Thương.	X		
19	Cấp Chứng thư xuất khẩu cho hàng dệt may xuất khẩu sang Mêhico 1.000400.H42	Trong thời hạn 08 (tám) giờ làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ	Hệ thống điện tử của Bộ Công Thương tại địa chỉ ecosys.go v.vn	Không	X	- Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công thương; - Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP); - Thông tư 07/2019/TT-BCT ngày 20/6/2019 của Bộ Công Thương	X		
20	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương 1.001238.H42	Trong thời hạn 3 ngày làm việc, kể từ ngày thương nhân nộp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	- Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công thương; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.	X		
21	Sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương 1.001104.H42	Trong thời hạn 3 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	- Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công thương; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính	X		

						phủ.			
22	Sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất; Giấy phép tạm nhập, tái xuất; Giấy phép tạm xuất, tái nhập; Giấy phép kinh doanh chuyên khẩu 1.004191.H42	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	- Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công thương; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.	X		
23	Đăng ký Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan xuất khẩu mật ong tự nhiên sang Nhật Bản 1.000264.H42	(03) ngày làm việc kể từ ngày nhận được bộ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	- Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công thương; - Hiệp định giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Nhật Bản về đối tác kinh tế, ký ngày 25/12/2008; - Thông tư số 28/2009/TT-BCT ngày 28/9/2009 của Bộ Công Thương.	X		
XVIII Lĩnh vực An toàn vệ sinh lao động									
1	Cấp chứng chỉ kiểm định viên 2.000140.H42	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	không quy định	X	- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính.	X		
2	Cấp lại chứng chỉ kiểm định viên 2.000066.H42	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	không quy định	X	- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính.	X		

XIX Lĩnh vực Chất lượng sản phẩm hàng hóa									
1	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định 2.000604.H42	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công thương.	X		
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định 2.001665.H42	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công thương.	X		
3	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định 2.001675.H42	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công thương.	X		
4	Cấp quyết định thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực được chỉ định 1.013989.H42	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả hành động khắc phục theo biên bản đánh giá thực tế	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công thương.		X	
5	Cấp lại quyết định chỉ định 1.013990.H42	Trong thời hạn 05 ngày làm	Trung tâm Phục vụ hành	Không	X	- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính	X		

		việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	chính công tỉnh			phù; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công thương.			
6	Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy các sản phẩm, hàng hóa phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia 2.000046.H42	05 (năm) ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	- Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công thương.	X		
XX	Lĩnh vực Tiêu chuẩn đo lường chất lượng								
1	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm 1.001271.H42	trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	- Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công thương.	X		
2	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm 2.000618.H42	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	- Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công thương.	X		
3	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm 2.000613.H42	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	- Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công thương.	X		
4	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định	10 ngày làm việc kể từ khi	Trung tâm Phục	Không	X	- Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ	X		

	1.000878.H42	nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	vụ hành chính công tỉnh			Công thương.			
5	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định 2.000401.H42	10 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	- Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công thương.	X		
6	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định 2.000251.H42	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	- Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công thương.	X		
7	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận 1.001292.H42	trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	- Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công thương.	X		
8	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận 2.000628.H42	trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	- Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công thương.	X		
9	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận 2.000624.H42	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	- Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công thương.	X		

XXI	Lĩnh vực Thương mại điện tử								
1	Thông báo ứng dụng thương mại điện tử bán hàng 1.003.390.H42	Không quy định	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 của Chính phủ.	X		
2	Đăng ký hoạt động đánh giá tín nhiệm website thương mại điện tử 1.000.880.H42	15 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 của Chính phủ.	X		
3	Thông báo website thương mại điện tử bán hàng 2.000.243.H42	Không quy định	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 của Chính phủ.	X		
XXII	Lĩnh vực Dầu khí								
1	Chấp thuận các tài liệu an toàn thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương 1.013987.H42	20 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	- Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công thương.		X	
XXIII	Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng								
1	Nhập khẩu máy móc, thiết bị chuyên ngành thuốc lá	10 ngày làm việc kể từ ngày	Trung tâm Phục vụ hành	Theo quy định của pháp luật về	X	- Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công thương.	X		

	1.000667.H42	nhận đủ hồ sơ hợp lệ	chính công tỉnh	phí, lệ phí hiện hành					
2	Cấp Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá 1.000981.H42	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	X	- Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công thương.		X	
3	Cấp lại Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá 1.000948.H42	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	X	- Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công thương.	X		
4	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá 1.000911.H42	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	X	- Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công thương.		X	
5	Nhập khẩu thuốc lá nhằm mục đích phi thương mại 2.000209.H42	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	X	- Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công thương.	X		
6	Chấp thuận đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ, đầu tư sản xuất thuốc lá xuất khẩu, gia công thuốc lá xuất khẩu, di chuyển địa điểm theo quy hoạch; đầu tư chế biến nguyên liệu thuốc lá 1.000162.H42	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	X	- Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công thương.	X		

7	Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điều thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công xuất khẩu sản phẩm thuốc lá 1.000172.H42	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	X	- Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công thương.	X		
8	Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá để chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu 1.000949.H42	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	X	- Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công thương.	X		
9	Nhượng bán, xuất khẩu, tái xuất, thanh lý máy móc thiết bị chuyên ngành thuốc lá của các doanh nghiệp sản xuất thuốc lá, chế biến nguyên liệu thuốc lá 1.013780.H42	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Theo quy định Bộ Tài chính	X	- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ	X		
XXIV Lĩnh vực Cùm công nghiệp									
1	Thành lập/mở rộng cùm công nghiệp 1.012427.H42	57 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	không quy định	X	- Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.		X	

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện DV BCCI	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		DV CC TT trực tuyến
							Toàn trình	Một phần	
I	Lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước								
1	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh 2.000633.H42	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	1.100.000 đồng	X	- Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.		X	
2	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh 1.001279.H42	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	1.100.000 đồng	X	- Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.	X		
3	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh 2.000629.H42	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	1.100.000 đồng	X	- Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.	X		
4	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu 2.000620.H42	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Theo quy định Bộ Tài chính	X	- Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.		X	

[illegible]

10	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã 2.002096.H42	Theo Kế hoạch tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo từng kỳ bình chọn.	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Không	X	- Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương		X	
III Lĩnh vực Kinh doanh khí									
11	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai 2.001283.H42	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Theo quy định Bộ Tài chính	X	- Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.		X	
12	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai 2.001270.H42	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Theo quy định Bộ Tài chính	X	- Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.	X		
13	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai 2.001261.H42	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Theo quy định Bộ Tài chính	X	- Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.	X		
IV Lĩnh vực tài sản kết cấu hạ tầng chợ do nhà nước đầu tư quản lý									
14	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp xã quản lý	Trong thời hạn 90 ngày, kể từ	Trung tâm phục	Không	X	- Nghị định 125/2025-NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ.		X	

	1.012568.H42	ngày nhận đủ hồ sơ	vụ hành chính công cấp xã						
15	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ 1.012569.H42	Trong thời hạn 75 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Không	X	- Nghị định 125/2025-NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ.		X	
V	Lĩnh vực bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng								
16	Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên 2.002620.H42	Không quy định	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Không	X	- Nghị định số 55/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ.	X		